

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG  
NUTRICARE**

---

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**SỐ CBSP: T87/NUTRICARE/2025**

**THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH  
DƯỠNG LEANMAX RENA GOLD 2**

**Năm 2025**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: T87/NUTRICARE/2025

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH	
ĐẾN	Số: 221
	Ngày: 9 / 10 / 2028
Chuyển: .....	
Số và ký hiệu HS: .....	

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368.

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:..... Ngày Cấp/Nơi cấp:.....

(Cơ sở đạt chứng nhận ISO 22000 - không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanmax Rena Gold 2**

**2. Thành phần:**

Chất béo thực vật, Đạm sữa, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (2%), Isomalt (2%), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Maltitol (0,6%), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.**

Ngày sản xuất và Hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh 40 g, 400 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

**Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)



#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Hoàng Công Quý*



**THÀNH PHẦN/INGREDIENTS**

Chất béo thực vật, Đạm sữa, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (2%), Isomalt (2%), Các khoáng chất (Canxi carbonate, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothanat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phyloquinon), Maltitol (0,6%), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani), Vegetable fat, Milk protein, Soluble fiber (Polydextrose), Soy protein, Fructose, Isomaltulose (2%), Isomalt (2%), Minerals (Calcium carbonate, Iron pyrophosphate, Zinc sulfite) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Folic acid, Calcium-D-pantothenate, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Phyloquinone), Maltitol (0.6%), Synthetic flavor (cream flavor, vanilla flavor).

**LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE**

- Trẻ từ 6 - 8 tuổi dùng 2 ly/ngày./Children aged 6 - 8 years: 2 servings per day.  
- Trên 8 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày./Above 8 years: 2 - 3 servings per day.  
Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ chuyên gia dinh dưỡng./Or follow doctor/dietitian's instruction.

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE**

- Cho từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 95 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết./Pour 95 ml warm water (approximately 50°C) into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir until the powder is completely dissolved.  
- Hôn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ./Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

**BẢO QUẢN/STORAGE**

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.  
Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

VPGD: Số 8, Khu A-T12 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Tư công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare  
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare  
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
Xuất xứ: Việt Nam.  
Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp HAC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.  
NSK và NSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T87/NUTRICARE/2025.



**CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG**  
**1800.6011**  
(miễn phí cuộc gọi dài)  
www.nutricare.com.vn

**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH**  
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES<sup>(1)</sup>

Thành phần (Component)	Đơn vị (Unit)	Trong 100 g bột (Per 100 g powder)	Trong 125 ml pha chuẩn (Per serving (121 ml))
Năng lượng/Energy	kcal	479	192
Chất đạm/Protein	g	22,1	9,24
BCLA	mg	3900	1566
Lactulo/Osiche	mg	1000	400
Inulin/Osiche	mg	1000	400
Valley/Alife	mg	900	360
Chất béo/Fat	g	26,4	11,4
Tổng axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA) Total unsaturated fatty acid	mg	9860	3944
Carbohydrat/Carbohydrate	g	26,8	10,7
Đường tổng số/Total sugars	g	8,20	3,28
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	12,0	4,80
Phốt pho	g	3,00	1,20
<b>Vitamin/Vitamins</b>			
Vitamin A	IU	1200	480
Vitamin B5	IU	380	152
Vitamin E	IU	11,8	4,72
Vitamin K1	µg	27,6	11,0
Vitamin C	mg	74,0	29,6
Vitamin B1	µg	680	272
Vitamin B2	µg	800	312
Niacin	µg	11300	4520
Sắt panthoic/Panthenol acid	µg	2200	880
Vitamin B6	µg	1150	460
Sắt biotin/Biotin acid	µg	230	92,0
Vitamin B12	µg	1,45	0,58
<b>Khoáng chất/Minerals</b>			
Natri/Sodium	mg	150	60,0
Kali/Potassium	mg	35,0	14,0
Canxi/Calcium	mg	369	148
Phốt pho/Phosphorus	mg	130	52,0
Sắt/Iron	mg	12,0	4,80
Kẽm/Zinc	mg	6,00	2,40

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không đánh cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

# Lean max Rena Gold 2

## CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG GIÀU PROTEIN

BỦ ĐÁP LƯỢNG PROTEIN MẤT DO QUÁ TRÌNH LỌC MÁU

Ít Natri, Kali, Phốt pho hỗ trợ cân bằng điện giải

GI=32

Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hỗ trợ ổn định đường huyết

Axit béo không bão hòa hỗ trợ tim mạch



Khối lượng tịnh: **400 g**

Thực phẩm bổ sung

**DÙNG ĐƯỢC CHO NGƯỜI SUY GIẢM CHỨC NĂNG THẬN ĐÀ LỘC MÁU NGOÀI THẬN, CÓ ĐÁ THẢO ĐƯỜNG**

## THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX RENA GOLD 2

Theo khuyến nghị Hiệp hội Thân Quốc gia của Hoa Kỳ (The National Kidney Foundation), người chọi thận cần nguồn dinh dưỡng giàu Protein, giúp bù đắp sự thất thoát chất dinh dưỡng trong quá trình lọc máu.

Leanmax Rena Gold 2 bổ sung dinh dưỡng cao năng lượng, giàu Protein, cùng hàm lượng Natri, Kali, Phốt pho được kiểm soát hỗ trợ cân bằng điện giải, hỗ trợ tăng cường sức khỏe tổng thể, dùng được cho người suy giảm chức năng thận có lọc máu ngoài thận, có đái tháo đường.

**GIÀU Protein:** Protein chất lượng cao, giúp bù đắp lượng đạm thất thoát trong quá trình lọc máu.

**HỖ TRỢ CÂN BẰNG ĐIỆN GIẢI:** Ít Natri, Kali, Phốt pho hỗ trợ cân bằng điện giải, tránh gây dư thừa Natri dẫn đến phù nề. Đặc biệt với công thức pha phù hợp, **giảm thiểu lượng nước\*** cung cấp vào cơ thể.

**HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT:** Hệ bột đường Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hấp thu chậm được EFSA chứng nhận có chỉ số đường huyết thấp, giúp ổn định đường huyết. **GI=32**

**HỖ TRỢ TIM MẠCH, PHÒNG THIỂU MÁU:** Bổ sung axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA) nguồn gốc thực vật giúp giảm cholesterol máu, tốt cho tim mạch. Bộ đôi Sắt - Axit Folic giúp hạn chế tình trạng thiếu máu.

**HỖ TRỢ PHỤC HỒI SỨC KHỎE, CẢI THIỆN TIÊU HÓA:** Dinh dưỡng cao năng lượng, đầy đủ vitamin và khoáng chất cần thiết giúp tăng cường sức khỏe. **Chất xơ hòa tan** hỗ trợ sức khỏe đường ruột, giảm táo bón.

\*So với cách pha thông thường của sản phẩm Leanmax Colostrum.



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

# Leanmax RENA Gold 2

## CHẾ ĐỘ ĂN GIÀU PROTEIN

BỦ ĐÁP LƯỢNG PROTEIN MẤT DO QUÁ TRÌNH LỌC MÁU



ít Natri, Kali, Phốt pho cân bằng điện giải, huyết áp

GI=32

Palatinose, Isomalt, Maltitol hỗ trợ ổn định đường huyết



Axit béo không bão hòa hỗ trợ tim mạch



Khối lượng tịnh: 40 g

Thực phẩm bổ sung



DÙNG ĐƯỢC CHO NGƯỜI SUY GIẢM CHỨC NĂNG THẬN ĐÁ LỌC MÁU NGOÀI THẬN, CÓ ĐÁ THẢO ĐƯỜNG

## THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX RENA GOLD 2

Theo khuyến nghị Hiệp hội Thận Quốc gia của Hoa Kỳ (The National Kidney Foundation), người chạy thận cần nguồn dinh dưỡng giàu Protein, giúp bù đắp sự thất thoát chất dinh dưỡng trong quá trình lọc máu.

Leanmax RENA Gold 2 bổ sung dinh dưỡng cao năng lượng, giàu Protein, cùng hàm lượng Natri, Kali, Phốt pho được kiểm soát hỗ trợ cân bằng điện giải, hỗ trợ tăng cường sức khỏe tổng thể, dùng được cho người suy giảm chức năng thận đã lọc máu ngoài thận, có đái tháo đường.

**GIÀU Protein:**  
Protein chất lượng cao, giúp bù đắp lượng đạm thất thoát trong quá trình lọc máu.

**HỖ TRỢ CÂN BẰNG ĐIỆN GIẢI:**  
Ít Natri, Kali, Phốt pho hỗ trợ cân bằng điện giải, tránh gây dư thừa Natri dẫn đến phù nề. Đặc biệt với công thức phù hợp, giảm thiểu lượng nước\* cung cấp vào cơ thể.

**HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT:**  
Ít bột đường Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hòa thu chậm được EFSAs đường nhân có chỉ số đường huyết thấp, giúp ổn định đường huyết. **GI=32**

**HỖ TRỢ TIM MẠCH, PHÒNG THIỂU MÁU:**  
Bổ sung axit béo không bão hòa (MHA, PUFA) nguồn gốc thực vật giúp giảm cholesterol máu, tốt cho tim mạch. Bổ sung Sắt - Acid Folic giúp hạn chế tình trạng thiếu máu.

**HỖ TRỢ PHỤC HỒI SỨC KHỎE, CẢI THIỆN TIÊU HOÁ:**  
Dinh dưỡng cao năng lượng, đầy đủ vitamin và khoáng chất cần thiết giúp tăng cường sức khỏe. Chất xơ hòa tan hỗ trợ các chất dinh dưỡng, giảm táo bón.

### THÀNH PHẦN

Chất béo thực vật, Đạm sữa, Chất vôi hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (2%), Isomalt (2%), Các Khoáng chất (Canxi carbonate, Sắt pyrophosphate, Kẽm sulfate) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamid, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Acid folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydrochlorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Maltitol (0,6%), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani).

### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Cho từ 1-1 gói (tương đương 40 g bột) vào 95 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C.
- Khuấy đều cho đến khi bột tan hết.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

### LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ

- Trẻ từ 6 - 8 tuổi dùng 2 gói/ngày.
- Trên 8 tuổi dùng 2 - 3 gói/ngày.

Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng.

### BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết.

- Lưu ý:
- Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
  - Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành.
  - Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.
- \* So với cách pha thông thường của sản phẩm Leanmax Colestrum.

### GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH

Thành phần Components	Đơn vị	Trong 100 g bột (Per 100 g powder)	Trong 125 ml pha chuẩn (Per serving (125 ml))
Năng lượng/Energy	kcal	479	192
Chất đạm/Protein	g	23,1	9,24
ECAR	mg	3908	1560
Leucin/Leucine	mg	2008	800
Isoleucin/Isoleucine	mg	1008	400
Valin/Valine	mg	900	360
Chất béo/Lipid	g	28,4	11,4
Tổng axit béo không bão hòa (MHA, PUFA) Unsaturated fatty acids	mg	9868	3944
Carbohydrat/Carbohydrate	g	26,8	10,7
Đường không có/Total sugars	g	5,20	2,08
Chất vôi hòa tan (Polydextrose)	g	12,0	4,80
Soluble fiber (Polydextrose)			
Polyks	g	3,00	1,20
<b>Vitamin/Vitamins</b>			
Vitamin A	IU	1206	480
Vitamin B3	IU	300	120
Vitamin E	IU	13,8	5,52
Vitamin K1	µg	27,6	11,0
Vitamin C	mg	74,0	29,6
Vitamin B1	µg	690	272
Vitamin B2	µg	810	323
Niacin	µg	11300	4520
Acid panthothenic/Panthenic acid	µg	2208	880
Vitamin B6	µg	1158	460
Acid folic/Folic acid	µg	210	84,0
Vitamin B12	µg	1,45	0,58
<b>Khoáng chất/Minerals</b>			
Natri/Sodium	mg	150	60,0
Kali/Potassium	mg	35,0	14,0
Canxi/Calcium	mg	369	146
Phốt pho/Phosphorus	mg	130	52,0
Sắt/iron	mg	12,0	4,80
Kẽm/Zinc	mg	6,00	2,40

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
 VPGD: Số 8, Khu A-T12 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
 Trụ sở công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare  
 Nhà máy 1: Lô V11.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare  
 Nhà máy 1: Lô V11.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
 Nhà máy 2: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1999, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001, HSY và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T87/NUTRICARE/2025.

**CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG**  
**1800.6011**  
 (Miễn phí cước gọi điện)  
[www.nutricare.com.vn](http://www.nutricare.com.vn)



## BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: T87/NUTRICARE/2025

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3,  
Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
Mã số chi nhánh: 0104937284-002  
Điện thoại: 02466833368.  
Email: [contact@nutricare.com.vn](mailto:contact@nutricare.com.vn)

- Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanmax Rena Gold 2.**
- Thành phần cấu tạo**

Chất béo thực vật, Đạm sữa, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (2%), Isomalt (2%), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Maltitol (0,6%), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani).

### 3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột toi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị đắng đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ (đắng khét).
4	Đặc tính khác	Dung dịch có màu vàng nhạt

### 4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Tối thiểu trong 100g bột
Năng lượng	kcal	383
Chất đạm	g	18,5



BCAA	mg	3120
Leucin	mg	1600
Isoleucin	mg	800
Valin	mg	720
Chất béo	g	22,7
Tổng axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA)	mg	7888
Carbohydrat	g	21,4
Đường tổng số	g	6,56
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	9,60
Polyols	g	2,40
Vitamin		
Vitamin A	IU	960
Vitamin D3	IU	240
Vitamin E	IU	11,0
Vitamin K1	µg	22,1
Vitamin C	mg	59,2
Vitamin B1	µg	544
Vitamin B2	µg	664
Niacin	µg	9040
Axit pantothenic	µg	1760
Vitamin B6	µg	920

0493  
 CHI M  
 NG TY  
 DINH  
 NUTI  
 AN THA

Axit folic	μg	168
Vitamin B12	μg	1,16
Khoáng chất		
Natri	mg	120
Kali	mg	28,0
Canxi	mg	295
Phốt pho	mg	104
Sắt	mg	9,60
Kẽm	mg	4,80

## 5. Chỉ tiêu an toàn:

**5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật:** Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25 g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100
5	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i>	CFU/g	KPH

**5.2. Hàm lượng kim loại nặng:** Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
2	Chì (Pb)	mg/l pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg	0,06
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn)	mg/kg	250

26  
 H/  
 C/  
 D/  
 I/  
 N/

	(Sản phẩm đựng trong bao bì trắng thiếc)		
--	---	--	--

**5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

## 6. Hướng dẫn sử dụng

Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 95 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Lưu ý:

- Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

## 7. Lượng dùng khuyến nghị

- Trẻ từ 6 - 8 tuổi dùng 2 ly/ngày.
- Trên 8 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày.

Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng.

## 8. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

**9. Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

## 10. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 40g, 400 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi trắng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

## 11. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

4-06  
NH  
PH  
ÔN  
ARI  
T. B

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Hoàng Công Quý*



**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN  
DINH DƯỠNG NUTRICARE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 155/2025/CV-NU

V/v Thông báo cập nhật nhãn sau  
công bố

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH

ĐẾN Số: 400

Ngày: 5/12/2025

Chuyển: .....

Số và ký hiệu HS: .....

**Kính gửi: Chi cục An toàn Thực phẩm tỉnh Bắc Ninh - Sở Y tế Bắc Ninh**

Trước tiên, Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (Nutricare) cảm ơn sự hỗ trợ của Chi cục An toàn Thực phẩm tỉnh Bắc Ninh - Sở Y tế Bắc Ninh đối với Công ty trong thời gian qua.

Sản phẩm của Nutricare đã thực hiện thủ tục tự công bố sản phẩm tại Quý Chi cục như sau:

Tên sản phẩm	Số CBSP	Ngày tự công bố
Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanmax Rena Gold 2	T87/NUTRICARE/2025	07/10/2025

Căn cứ Khoản 4, Điều 5 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018, Nutricare xin thông báo **điều chỉnh thông tin trên nhãn sản phẩm 40g** như sau:

- Điều chỉnh thông tin trên nhãn từ “Palatinose” thành “Isomaltulose” theo đúng thành phần của sản phẩm (Palatinose là tên gọi khác của Isomaltulose)
- Viết lại “Chế độ ăn” thành “Chế độ dinh dưỡng” để đồng nhất với nhãn 400g

Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo không thay đổi so với hồ sơ đã tự công bố.

Nutricare cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã tự công bố.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare xin thông báo đến Chi cục An toàn Thực phẩm tỉnh Bắc Ninh - Sở Y tế Bắc Ninh được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hoàng Công Quý*



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ



# Leanmax Rena Gold 2

## CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG GIÀU PROTEIN

BỦ ĐÁP LƯỢNG PROTEIN MẤT DO QUÁ TRÌNH LỌC MÁU



**+**  
Iốt Natri, Kali,  
Phốt pho hỗ trợ  
cân bằng điện giải

**GI=32**

Isomaltulose,  
Isomalt, Maltitol  
hỗ trợ ổn định  
đường huyết

**✓**  
Axit béo  
không bão hòa  
hỗ trợ tim mạch



Khối lượng tịnh: **40 g**

Thực phẩm bổ sung

**✓ DÙNG ĐƯỢC CHO NGƯỜI SUY GIẢM CHỨC NĂNG THẬN ĐÀ LỌC MÁU NGOÀI THẬN, CÓ ĐÁ THẢO ĐƯỜNG**

## THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX RENA GOLD 2

Theo khuyến nghị Hiệp hội Thận Quốc gia của Hoa Kỳ (The National Kidney Foundation), người chạy thận cần nguồn dinh dưỡng giàu Protein, giúp bù đắp sự thất thoát chất dinh dưỡng trong quá trình lọc máu.

Leanmax Rena Gold 2 bổ sung dinh dưỡng cao năng lượng, giàu Protein, cùng hàm lượng Natri, Kali, Phốt pho được kiểm soát hỗ trợ cân bằng điện giải, hỗ trợ tăng cường sức khỏe tổng thể, dùng được cho người suy giảm chức năng thận có lọc máu ngoài thận, có đái tháo đường.

<b>GIÀU Protein:</b> Protein chất lượng cao, giúp bù đắp lượng đạm thất thoát trong quá trình lọc máu.	
<b>HỖ TRỢ CÂN BẰNG ĐIỆN GIẢI:</b> Iốt Natri, Kali, Phốt pho hỗ trợ cân bằng điện giải, tránh gây dư thừa Natri dẫn đến phù nề. Đặc biệt với công thức phù hợp, giảm thiểu lượng nước* cung cấp vào cơ thể.	
<b>HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT:</b> Hỗ trợ đường Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hấp thu chậm được EFSA chứng nhận có chỉ số đường huyết thấp, giúp ổn định đường huyết.	<b>GI=32</b>
<b>HỖ TRỢ TIM MẠCH, PHÒNG THIỂU MÁU:</b> Bổ sung axit béo không bão hòa (MHA, PUFA) nguồn gốc thực vật giúp giảm cholesterol máu, tốt cho tim mạch. Bổ sung Sắt - Acid Folic giúp hạn chế tình trạng thiếu máu.	
<b>HỖ TRỢ PHỤC HỒI SỨC KHỎE, CẢI THIỆN TIÊU HOÁ:</b> Dinh dưỡng cao năng lượng, đầy đủ vitamin và khoáng chất cần thiết giúp tăng cường sức khỏe. Chất xơ hòa tan hỗ trợ hệ tiêu hóa đường ruột, giảm táo bón.	

### THÀNH PHẦN

Chất béo thực vật, Đạm sữa, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (2%), Isomalt (2%), Các Khoáng chất (Canxi carbonate, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothanat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydrochlorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Maltitol (0,6%), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani).

### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Cho từ 1 gói (tương đương 40 g bột) vào 95 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

### LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ

- Trẻ từ 6 - 8 tuổi dùng 2 gói/ngày.
- Trên 8 tuổi dùng 2 - 3 gói/ngày.

### BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết.

Lưu ý:

- Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

\* Số và cách pha thông thường của sản phẩm Leanmax Colestrum.

### GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH AVERAGE NUTRITIONAL VALUES<sup>(1)</sup>

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột Per 100g powder	Trong 125 ml pha chuẩn Per serving (125 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	479	192
Chất đạm/Protein	g	23,1	9,24
ECAR	mg	3908	1586
Leucin/Leucine	mg	2006	800
Isoleucin/Isoleucine	mg	1006	400
Valin/Valine	mg	900	360
Chất béo/Lipid	g	28,4	11,4
Tổng axit béo không bão hòa (MHA, PUFA) Unsaturated fatty acids	mg	9868	3944
Carbohydrat/Carbohydrate	g	26,8	10,7
Đường không có/Total sugars	g	5,20	2,08
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	12,0	4,80
Polyks	g	3,00	1,20
<b>Vitamin/Vitamins</b>			
Vitamin A	IU	1206	480
Vitamin B3	IU	300	120
Vitamin E	IU	13,8	5,52
Vitamin K1	µg	27,6	11,0
Vitamin C	mg	74,0	29,6
Vitamin B1	µg	690	272
Vitamin B2	µg	810	323
Niacin	µg	11300	4520
Axit panthoic/Panthenic acid	µg	2206	880
Vitamin B5	µg	1150	460
Axit folic/Folic acid	µg	210	84,0
Vitamin B12	µg	1,45	0,58
<b>Khoáng chất/Minerals</b>			
Natri/Sodium	mg	150	60,0
Kali/Potassium	mg	35,0	14,0
Canxi/Calcium	mg	369	146
Phốt pho/Phosphorus	mg	130	52,0
Sắt/iron	mg	12,0	4,80
Kẽm/Zinc	mg	6,00	2,40

**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
 VPGD: Số 8, Khu A-T12 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
 Trụ công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare  
 Nhà máy 1: Lô V11.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare  
 Nhà máy 1: Lô V11.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
 Nhà máy 2: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1999, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001, HSK và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T87/NUTRICARE/2025.

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

**CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG**  
**1800.6011**  
 (Miễn phí cước gọi điện)  
[www.nutricare.com.vn](http://www.nutricare.com.vn)

